CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia

Ngày 31/03/2025	16,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**2.2%**	**-2.4%**

DT thuần
Q1/25
192
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.0| 17.7%
YoY: ▼1,121| -85.4%

LN thuần
Q1/25
14.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 73.3| 124%
YoY: ▼290| -95.3%

LN sau thuế
Q1/25
8.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -61.7%
YoY: ▼206| -96.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
28.2%
YoY: +/-▲ 36.2%

ROE (TTM)
Q1/25
3.4%
YoY: +/-▼ 6.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,550 - 21,720
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,665
Số lượng CPLH (CP)	162,528,081
KLGD BQ 20 phiên (CP)	683,255
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.89
EPS	661
P/E	24.8

DT thuần
2024
1,913
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,978| -50.8%

LN thuần
2024
307
tỷ VNĐ
YoY: ▼194| -38.8%

LN sau thuế
2024
261
tỷ VNĐ
YoY: ▼199| -43.3%

Cơ cấu cổ đông

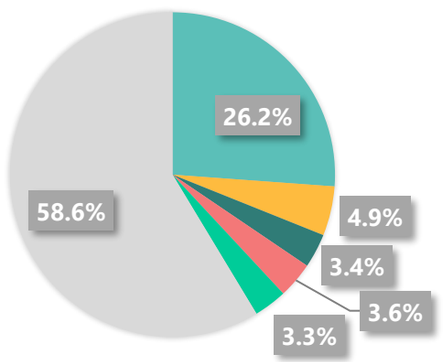

- Nguyễn Bá Sáng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Kim Hoa
- Nguyễn Hương Giang
- Võ Ngọc Mai Trang
- Nguyễn Thị Bích Thủy
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

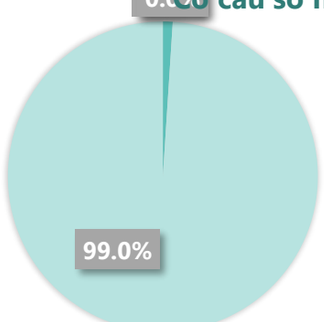

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

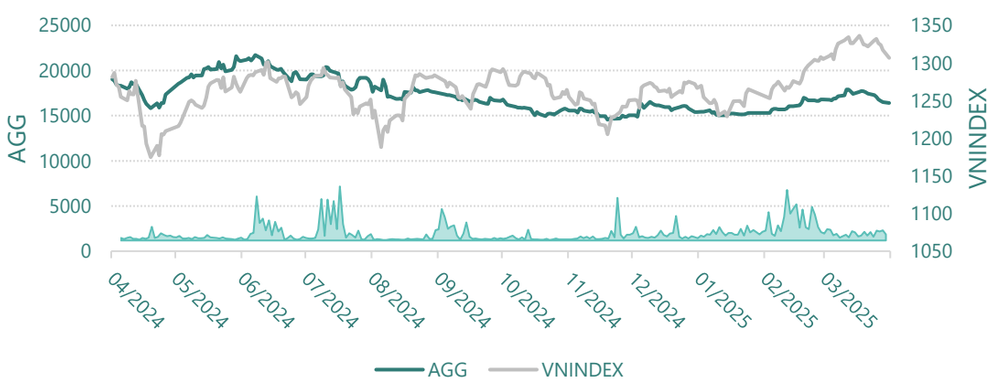

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

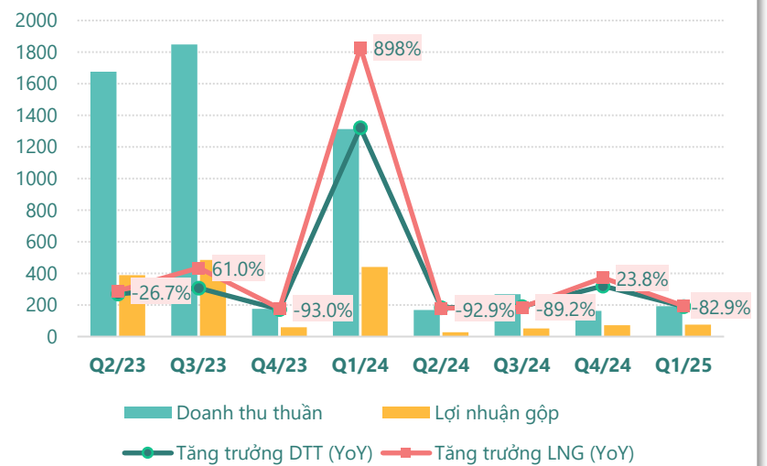

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

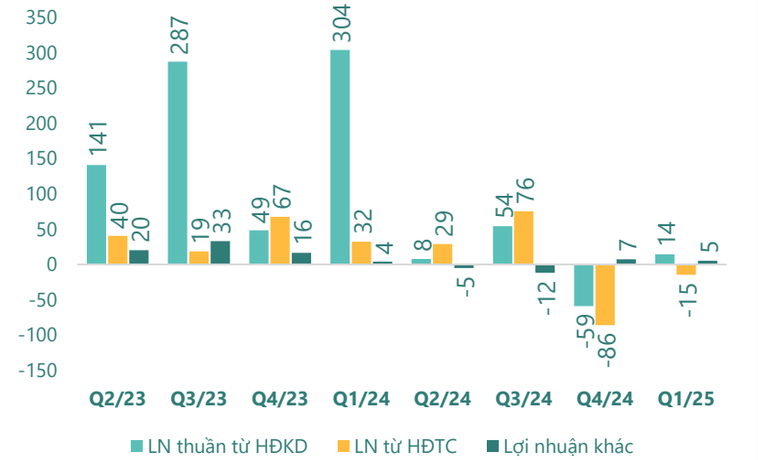

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

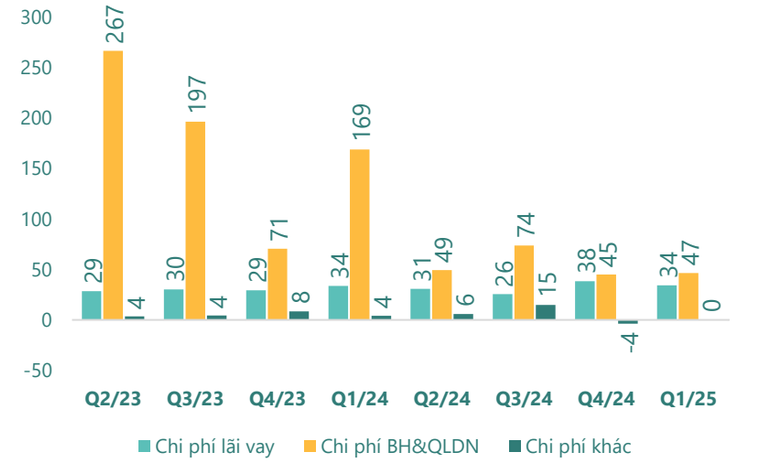

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

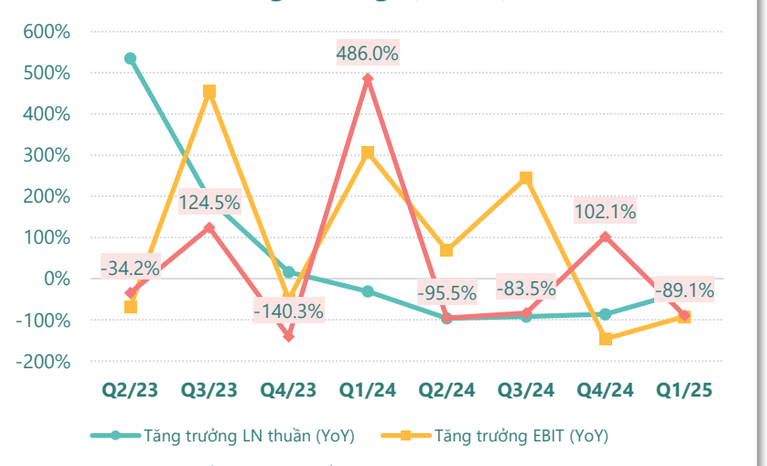

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

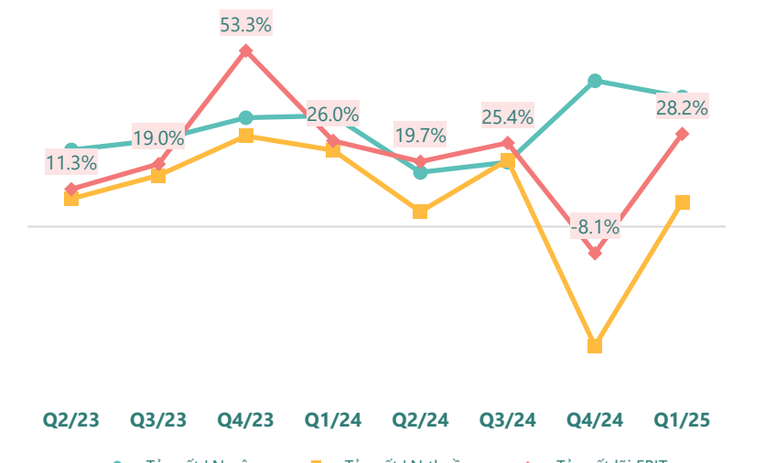

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

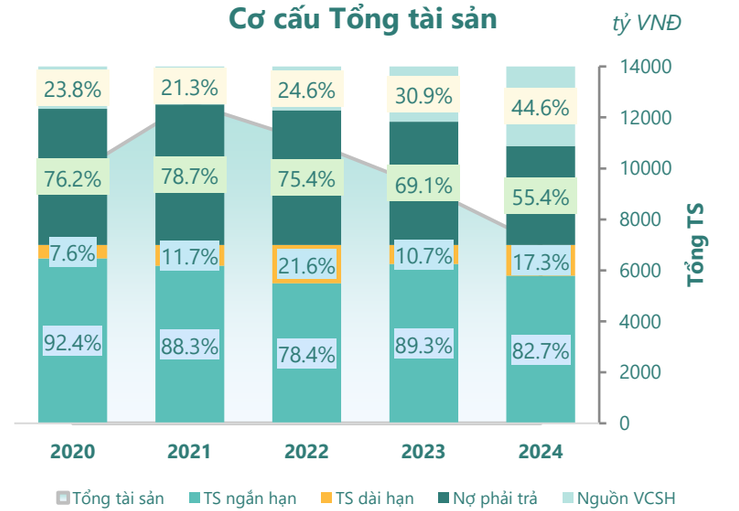

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

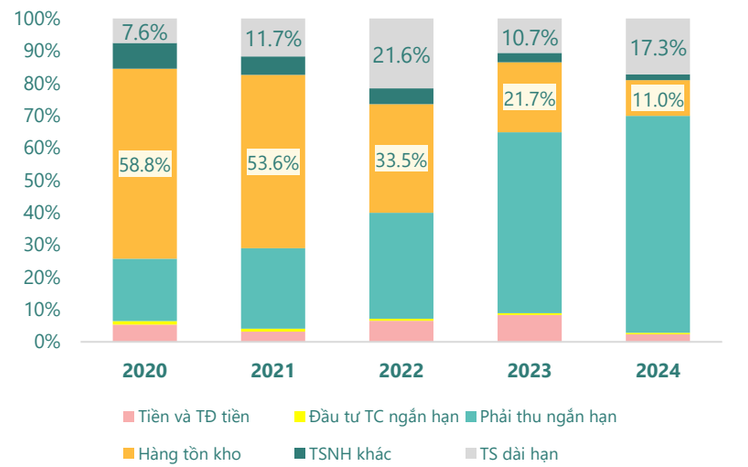

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

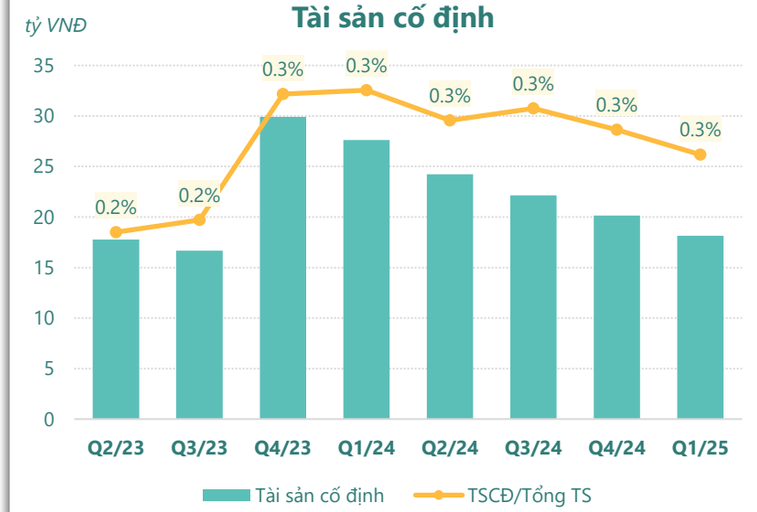

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

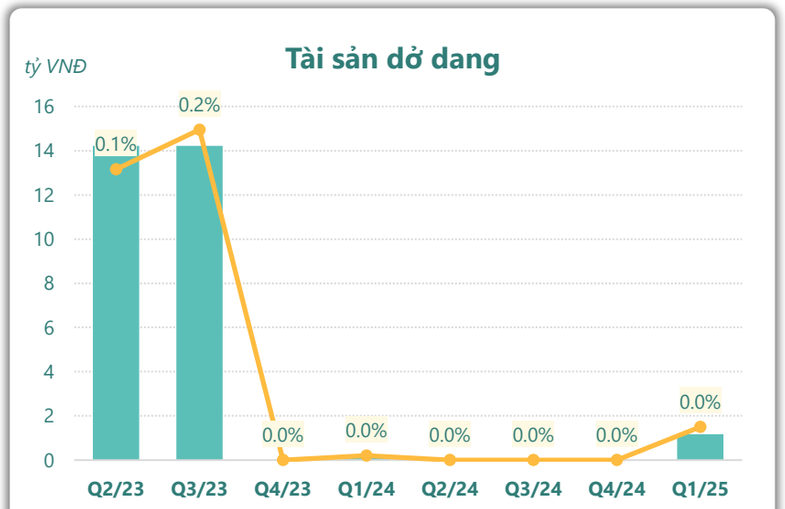

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

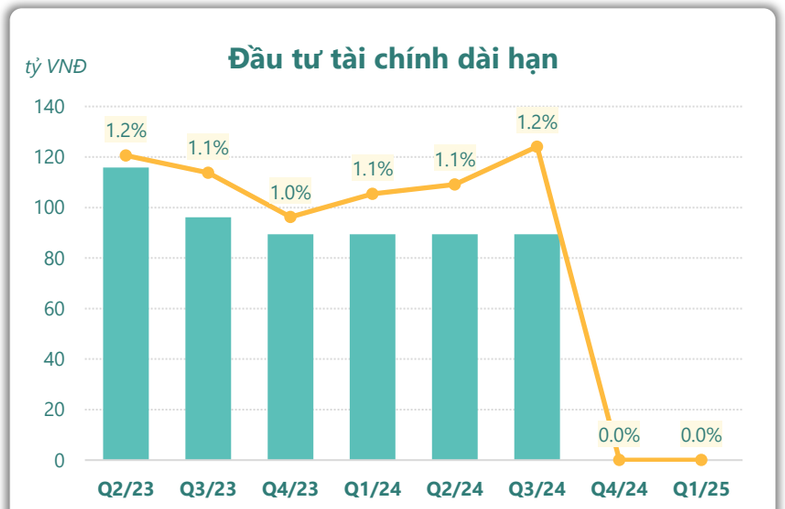

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

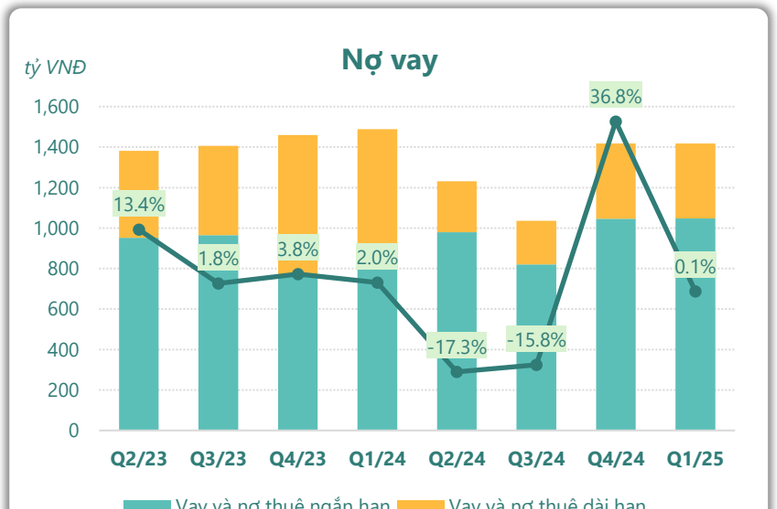

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

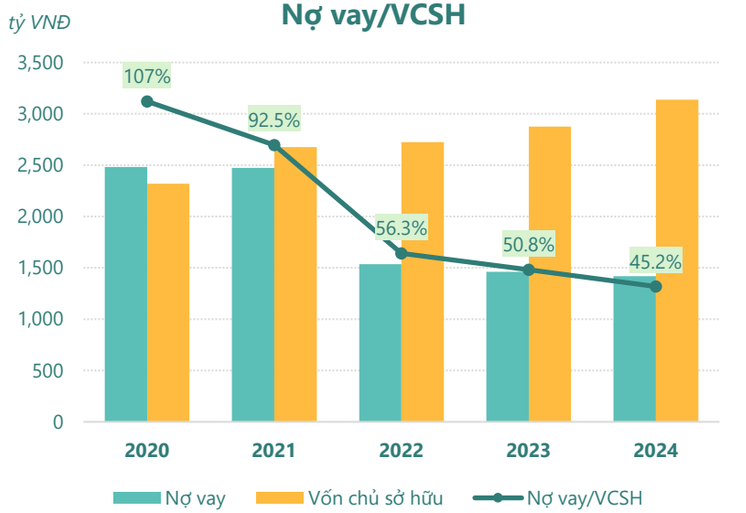

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

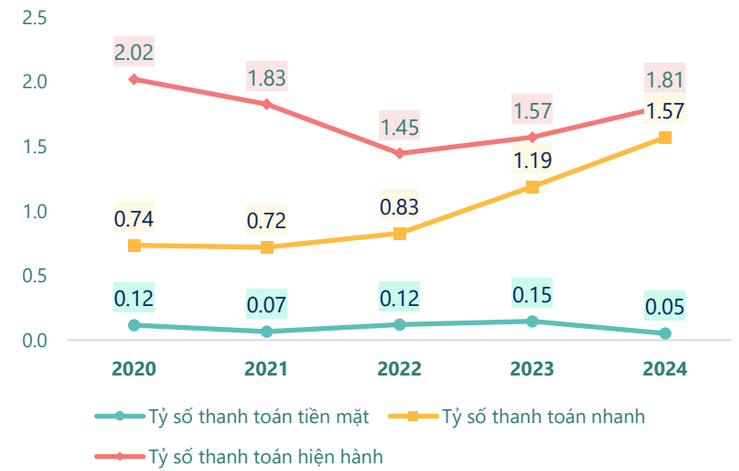

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

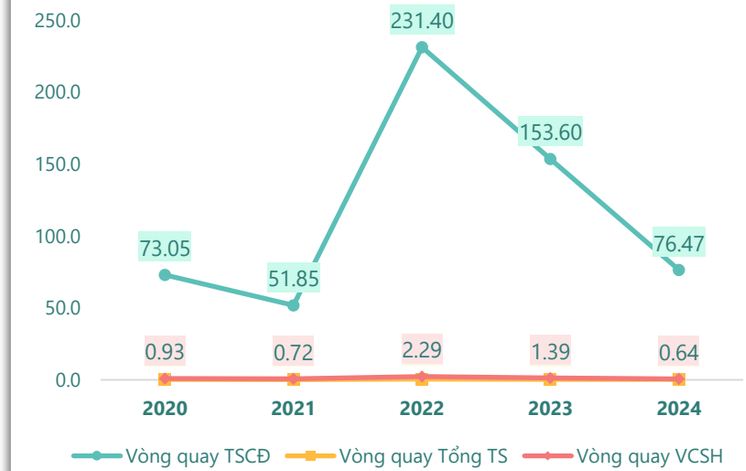

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

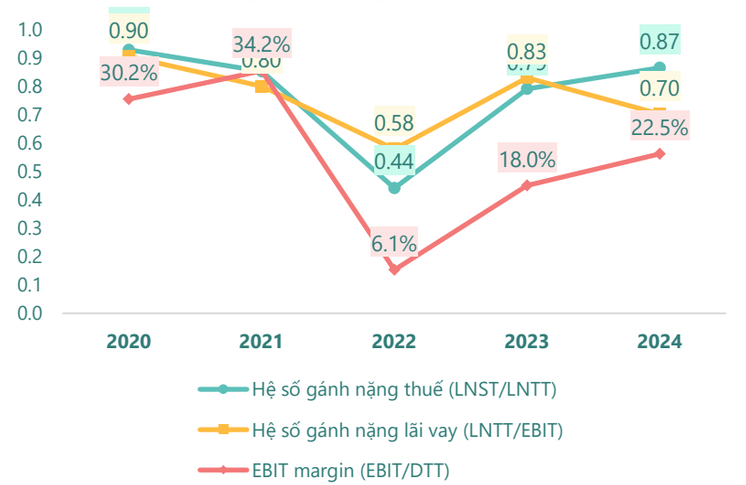

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

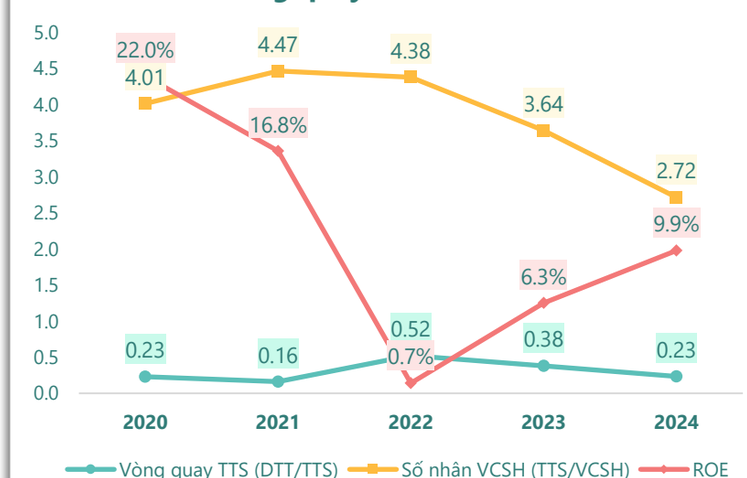

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

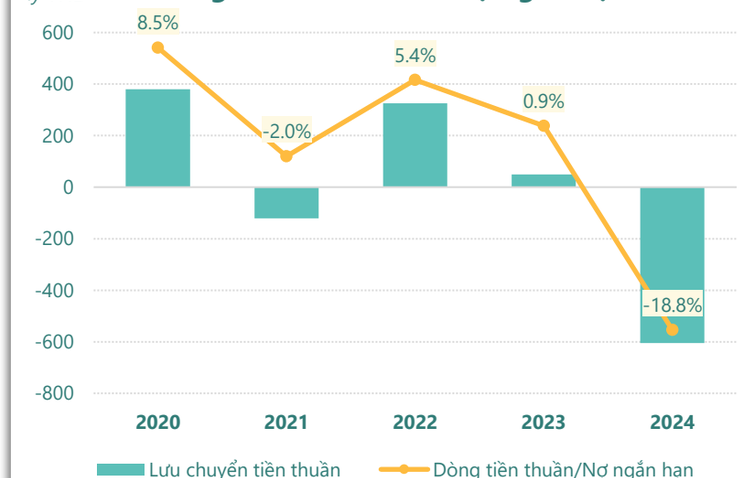

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**192**	**1,313**	**-85.4%**	**1,913**	**3,891**	**-50.8%**
Giá vốn hàng bán	116	872	-86.7%	1,320	2,914	-54.7%
Lợi nhuận gộp	75.4	441	-82.9%	593	977	-39.2%
Doanh thu HĐTC	32.2	108	-70.2%	381	371	2.8%
Chi phí TC	46.8	76.1	-38.5%	331	204	62.1%
Chi phí lãi vay	34.4	33.6	2.3%	128	119	8.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-71.6**	**100%**
Chi phí bán hàng	27.9	143	-80.5%	246	510	-51.7%
Chi phí QLDN	**18.6**	**26.5**	**-29.8%**	**91.2**	**60.7**	**50.1%**
LN thuần từ HĐKD	14.3	304	-95.3%	307	501	-38.8%
Lợi nhuận khác	**5.33**	**4.08**	**30.5%**	**-5.21**	**80.6**	**-106%**
LN trước thuế	19.6	308	-93.6%	302	582	-48.2%
Lợi nhuận sau thuế	**8.07**	**214**	**-96.2%**	**261**	**460**	**-43.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.3**	**200**	**-94.9%**	**298**	**175**	**69.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	704	-41.7	-49.4	-774	-80.1	-116
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-109	-638	433	828	22.0	134
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-80.4	3.70	-268	-166	125	-7.61
Tiền đầu kỳ	258	772	96.9	212	100	167
Lưu chuyển tiền thuần	**514**	**-675**	**115**	**-112**	**66.8**	**10.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	772	96.9	212	100	167	178

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,937**	**7,035**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,841	5,819	-51.2%
Tiền và tương đương tiền	178	167	6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.3	30.1	-9.3%
Phải thu ngắn hạn	1,844	4,717	-60.9%
Hàng tồn kho	671	776	-13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	121	128	-5.9%
Tài sản dài hạn	**4,096**	**1,216**	**237%**
Phải thu dài hạn	3,977	1,087	266%
Tài sản cố định	18.2	20.2	-9.9%
Bất động sản đầu tư	25.3	31.8	-20.3%
Tài sản dở dang	1.17	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**74.8**	**77.6**	**-3.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,792	3,898	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**3,109**	**3,211**	**-3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,047	1,046	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	252	286	-12.0%
Nợ dài hạn	683	688	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	371	371	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,145**	**3,137**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,145**	**3,137**	**0.3%**
Vốn điều lệ	1,625	1,625	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)